TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2026/HS-ST
Ngày 28-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – Đ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông Đỗ Tấn Trường
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Khuyến
Bà Trần Thị Thanh Miên

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thuỳ D1yên – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Đ tham gia phiên tòa*: Ông Phan Tuấn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 11–Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2026/HSST ngày 05 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2026/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc D**, sinh ngày 07/11/1998, tại Đồng Nai; tên gọi khác (Cún), Nơi cư trú: Thôn B, xã P, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1974, bà Lê Thị L, sinh năm 1970; Bị cáo chung sống như vợ chồng với Nguyễn Ngọc Vi Hoàng A, sinh ngày 27/5/2006 và có 01 con sinh năm 2024.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/9/2018 bị cáo bị Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước cũ xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt (đã được xoá án tích).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 10/9/2025 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên toà.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Ngọc Vi Hoàng A, sinh ngày 27/5/2006; Trú tại: Thôn B, xã P, tỉnh Đ; (vắng mặt)

* *Người làm chứng:* Triệu Ngọc D1, sinh năm 1993; Trú tại: Thôn B, xã P, tỉnh Đ. (vắng mặt)

NỘI D1NG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D1ng vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc D và Triệu Ngọc D1, sinh ngày (SN): 05/10/1993, cùng trú tại: Thôn B, xã P, tỉnh Đ là bạn bè quen biết với nhau ngoài xã hội. D thường thuê D1 đi chở củi điều cho D để bán.

Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 09/9/2025, D liên hệ qua điện thoại di động cho đối tượng tên C (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) hỏi mua ma túy đá với số tiền 1.500.000 đồng thì C hẹn D lấy ma túy tại chợ Bù Na thuộc xã Nghĩa Bình, tỉnh Đ. Lúc này, D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS): 17H8-7801 do một người bạn tên D1yên (chưa xác định nhân thân, lai lịch) đã gửi ở nhà D khoảng 01 tháng trước tới khu vực chợ Bù Na thì C điều khiển xe mô tô (không rõ BKS) dẫn D chạy đến khu vực Đập nước thuộc thôn 1, xã Nghĩa Bình, tỉnh Đ. Tại đây, D đưa số tiền 1.500.000 đồng cho C thì C chỉ tay vào vị trí 01 gói thuốc lá hiệu Hòa Bình nằm ở dưới lề đường bên tay phải của bờ đập. D cầm lên kiểm tra bên trong bao thuốc lá Hòa Bình thấy có một bịch nylon chứa ma túy đá rồi D cất giấu vào trong túi quần sooc phía trước bên phải đang mặc. Sau đó, D điều khiển xe mô tô mang ma túy về khu vực vườn điều mà D đang cưa cây tại Thôn B, xã P, tỉnh Đ rồi chia ma túy ra cho vào các gói nylon nhỏ và lấy tờ giấy bạc của gói thuốc Hòa Bình bọc các gói nylon chứa ma túy lại, cất giấu trong túi quần sooc bên phải đang mặc để sử dụng dần.

Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 10/9/2025, khi D và D1 đang nằm trên võng mắc ở dưới gầm xe máy cày chở củi thì D lấy 01 gói nylon chứa ma túy đá trong bọc ra đổ vào vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy mang theo từ trước rồi sử dụng bật lửa (hộp quẹt) gas đốt nóng chất ma túy cho tan chảy ra rồi ngậm ống hút, hút hơi khói ma túy trong bình thủy tinh bốc lên. Sau đó, D để bộ dụng cụ sử dụng ma túy xuống dưới đất và nói với D1 "anh chơi thì chơi" rồi D đứng lên đi sửa xe ba gác cách chỗ xe máy cày chở củi khoảng 03 mét. Lúc này, D1 ngồi xuống vị trí D đặt dụng cụ sử dụng ma túy lấy bật lửa (hộp quẹt) gas của D1 ra tự đốt nóng ma túy trong bộ dụng cụ rồi hút khói ma túy bốc lên. Sau đó, D và D1 thay nhau sử dụng ma túy tới khoảng 04 giờ sáng cùng ngày thì sử dụng hết số ma túy ở trong nỏ thủy tinh. Khoảng 10 giờ sáng cùng ngày, D nói D1 mang bộ dụng cụ sử dụng ma túy đi cất giấu thì D1 mang đi cất giấu dưới bụi cây cách chỗ sử dụng ma túy khoảng 200 mét.

Đến khoảng 13 giờ 10 phút ngày 10/9/2025, khi D và D1 đang nằm nghỉ trên võng ở dưới gầm xe máy cày chở củi thì bị lực lượng Công an xã P kiểm tra, phát hiện bên trong túi quần sooc bên phải phía trước D đang mặc có 01 cục được quấn bằng giấy bạc, bên trong có chứa 11 (mười một) bịch nylon, trong đó có 2 bịch nylon kích thước (3,5x3,5)cm được hàn kín ba mặt, một mặt kéo dính, bên trong có chứa các tinh thể rắn màu trắng nghi vấn là ma túy dạng đá, 04 bịch nylon kích thước (1,5x3)cm được hàn kín ba mặt, một mặt kéo dính bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng nghi vấn là ma túy dạng đá, 05 bịch nylon không có chứa đựng gì. Công an xã P đã tiến hành đưa hai đối tượng về trụ sở Công an xã để làm việc.

Cùng ngày, Công an xã P tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của D thì phát hiện, thu giữ tại phòng ngủ của D 01 bình dụng cụ sử dụng ma túy có một đầu tròn

bên trong có chứa chất màu nâu vàng nghi vấn là ma túy dạng đá đã qua sử dụng. (D thừa nhận là của D dùng để sử dụng túy đá).

Tại bản Kết luận giám định số 2192/KL-KTHS ngày 16/9/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận:

"- Tinh thể màu trắng ký hiệu M1 bên trong 06 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là: 1,5803 gam (Một phẩy năm tám không ba gam);

- Chất màu nâu ký hiệu M2 bám dính bên trong ống nỏ thủy tinh được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là: 0,0022 gam (Không phẩy không không hai hai gam);

- Chất màu nâu ký hiệu M3 bám dính bên trong ống nỏ thủy tinh được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là: 0,1393 gam (Không phẩy một ba chín ba gam).

* Kèm theo kết luận giám định: Không.

* Hoàn lại đối tượng giám định: M1 = 1,4326 gam; M3 = 0,1005 gam được niêm phong. M2 sử dụng hết cho giám định."

Tại bản Kết luận giám định số 2365/KL-KTHS ngày 25/9/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận:

"Mẫu nước tiểu của Nguyễn Ngọc D được niêm phong gửi đến giám định có tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine và sản phẩm chuyển hóa của Methamphetamine.

Kèm theo kết luận giám định: Không.

Hoàn lại đối tượng giám định: Không hoàn lại mẫu vật gửi giám định. Mẫu vật đã sử dụng hết trong công tác giám định./."

Tại bản Kết luận giám định số 3779/KL-KTHS ngày 19/12/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận:

"Xe mô tô, biển số 17H8-7801 gửi giám định ký hiệu A.

- Số khung hiện tại: ?...? là chữ, số bị mài mòn, không xác định được số nguyên thủy.

Kèm theo kết luận giám định: Không có.

Hoàn lại đối tượng giám định: Xe môtô nêu trên gao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ nhận trực tiếp như tình trạng ban đầu".

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 cục quấn giấy bạc bên trong có 11 bịch nylon nghi vấn là ma túy dạng đá;

- 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy thu giữ tại khu vực vườn điều;

- 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy thu giữ tại nơi ở của D;

- 01 điện thoại di động Hiệu Redmi gắn sim số điện thoại 0335439638;

- 01 xe mô tô BKS: 17H8-7801.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT-VKSKV11 ngày 05/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Đ đã truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc D về tội *"Tàng trữ*

trái phép chất ma tuý" và tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và khoản 1 Điều 255 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc D phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma tuý"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo quy định định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và đề nghị:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo mức án 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo mức án 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù.

Ngoài ra còn đề nghị về xử lý vật chứng, án phí trong vụ án.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội D1ng bản cáo trạng và không có ý kiến tranh luận đối với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D1ng vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội D1ng bản Cáo trạng số 24/CT-VKSKV11 ngày 05/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Đ đã truy tố bị cáo. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh quả tang, bản ảnh hiện trường, kết luận giám định cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa thấy phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, phương tiện phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 10/9/2025, Nguyễn Ngọc D có hành vi tàng trữ trái phép 1,5803gam chất ma túy loại Methamphetamine trong túi quần sooc bên phải tại khu vực vườn điều thuộc Thôn B, xã P, tỉnh Đ; tàng trữ trái phép 0,1393gam chất ma túy loại Methamphetamine tại nơi ở thuộc Thôn B, xã P, tỉnh Đ và tàng trữ

trái phép 0,0022gam chất ma túy loại Methamphetamine bám dính trong bộ dụng cụ sử dụng ma túy thu giữ trong khu vực vườn điều thuộc Thôn B, xã P, tỉnh Đ với tổng khối lượng 1,7218gam ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng. Ngoài ra, bị cáo D còn có hành vi chuẩn bị ma túy, công cụ sử dụng và cung cấp cho Triệu Ngọc D1 sử dụng trái phép cùng với mình tại vườn điều thuộc Thôn B, xã P, tỉnh Đ.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc D đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Tàng trữ trái phép chất ma tuý"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo quy định định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Bị cáo là người đã thành niên, bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là hành vi vi phạm pháp luật và sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Song để thỏa mãn nhu cầu tổ chức, sử dụng ma túy của bản thân, bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội, góp phần làm gia tăng tệ nạn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng và sự phát triển lành mạnh của con người. Vì vậy cần phải có mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Ngọc D không có tình tiết tăng năng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, ngày 10/8/2018 bị Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước cũ xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý, mặc dù bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xoá án tích, nhưng nay bị cáo tiếp tục phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật nên cần xem xét nhân thân của bị cáo để lượng hình.

Qúa trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn (có xác nhận của chính UBND xã P, tỉnh Đ) nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Đ tại phiên tòa về tội danh, khung hình phạt là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận; về mức hình phạt được chấp nhận một phần.

[5] Đối với các hành vi và đối tượng khác:

Đối với Triệu Ngọc D1 thì D1 chỉ là người thụ hưởng, không phải đồng phạm với D về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, D1 đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý vào ngày 10/9/2025 cùng với D và mang bộ dụng cụ sử dụng ma túy có chứa 0,0022gam chất ma túy loại Methamphetamine đi

cất giấu. Công an xã P đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với D1 về 02 hành vi trên nên không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Ngọc Vi Hoàng A là người sống chung như vợ chồng với D. Quá trình điều tra xác định, việc D cất giấu bộ dụng cụ sử dụng ma túy bên trong chứa 0,1393gam ma túy loại methamphetamine trong tủ đồ ở phòng ngủ thì Anh không biết nên không đề cập xử lý.

Đối với đối tượng "C" mà bị can D khai đã bán ma tuý cho D tại khu vực đập nước thuộc thôn 1, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đ. Quá trình điều tra chưa xác định được, đề nghị tiếp tục điều tra để xử lý theo quy định.

[6] Về vật chứng vụ án:

+ Đối với mẫu hoàn lại M1=1,4326, M3 = 0,1005gam được cho vào 02 gói nylon khóa miết, toàn bộ vỏ bao gói và 02 chai có nắp đỏ, trên nắp có 02 lỗ, một lỗ gắn ống hút nhựa, một lỗ gắn ống thủy tinh một đầu hình bầu tròn, tất cả cho vào 03 phong bì dán kín, **01 điện thoại di động Hiệu Redmi gắn số điện thoại 0335439638** là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu tiêu huỷ.

+ Đối với 01 xe mô tô thu giữ (xe gắn biển số: 17H8-7801), qua giám định có số khung nguyên thủy là RPHDCGAUM5H 065858. Quá trình điều tra xác định ông Lê Văn Vinh, sinh năm 1980, trú tại ấp 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đ đứng tên xe mô tô nhãn hiệu DAMSAN, biển số 93H6-8609 có số khung RPHDCGAUM5H 065858. Ông Vinh trình bày mua chiếc xe vào năm 2006, sau đó bán cho ngườ mua ve chai không rõ tên tuổi, địa chỉ. Bị can D khai xe này của người bạn tên D1yên gửi ở nhà D và D lấy xe này để đi mua ma túy. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ đã ra Quyết định tách hành vi và tài liệu để tiếp tục xác minh, xử lý nên không đề cập xử lý.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Ngọc D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc D phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma tuý"* và tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 03 (Ba) năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù.

+ Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội buộc bị cáo Nguyễn Ngọc D phải chấp hành hình phạt chung 06 (Sáu) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/9/2025.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

+ Tịch thu tiêu hủy đối với mẫu hoàn lại M1=1,4326gam, M3 = 0,1005 am được cho vào 02 gói nylon khóa miết, toàn bộ vỏ bao gói và 02 chai có nắp đỏ, trên nắp có 02 lỗ, một lỗ gắn ống hút nhựa, một lỗ gắn ống thủy tinh một đầu hình bầu tròn, tất cả cho vào 03 phong bì dán kín, **01 điện thoại di động Hiệu Redmi gắn số điện thoại 0335439638.**

(Số vật chứng trên đã được chuyển cho Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 – Đ – Thi hành án dân sự tỉnh Đ theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/3/2026).

3. Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Ngọc D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Đ;
- VKSND Khu vực 11 – Đ;
- Phòng THADS Khu vực 11 – Đ;
- CA tỉnh Đ;
- Phân trại tạm giam Phước Long – Trại tạm giam số 2 – Công an tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Tấn Trường